

lớn trong 2 năm 2004 - 2005 phù hợp với địa phương mình./.

KT. THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

*Phó Thủ tướng*

**Phạm Gia Khiêm**

**QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 1243/QĐ-TTg ngày 22/11/2004 về việc thành lập và tổ chức, hoạt động của Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia.**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;*

*Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Nghị định số 92/2002/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thành lập Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia

Thành lập Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia để tư vấn giúp Thủ tướng Chính phủ về những vấn đề quan trọng liên quan đến việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa.

Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia (sau đây gọi tắt là Hội đồng) có con dấu và tài khoản riêng.

Kinh phí hoạt động của Hội đồng (không bao gồm tiền lương) do ngân sách nhà nước đảm bảo và được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm của Bộ Văn hóa - Thông tin.

**Điều 2.** Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng

Hội đồng có nhiệm vụ tư vấn giúp Thủ tướng Chính phủ quyết định những việc sau:

1. Phương hướng, chiến lược, các chính sách lớn về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa;

2. Xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt; xác định chỉ có khu vực bảo vệ I đối với di tích quốc gia đặc biệt;

3. Công nhận bảo vật quốc gia;

4. Dự án bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích thuộc nhóm A theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng;

5. Đưa bảo vật quốc gia ra nước ngoài để trưng bày, triển lãm, nghiên cứu hoặc bảo quản;

0915906

www.ThuVienPhapLuat.com  
Tel: +84-8-3845 6684 \* LawSift

6. Thành lập bảo tàng quốc gia, bảo tàng chuyên ngành;

7. Đề nghị UNESCO công nhận di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu của Việt Nam là di sản văn hóa thế giới;

8. Đề nghị UNESCO đưa di tích tiêu biểu của Việt Nam vào Danh mục di sản thế giới;

9. Các vấn đề khoa học về di sản văn hóa liên quan đến các dự án lớn về kinh tế - xã hội;

10. Các vấn đề quan trọng khác về di sản văn hóa do Thủ tướng Chính phủ yêu cầu hoặc Hội đồng thấy cần kiến nghị với Thủ tướng Chính phủ.

### **Điều 3. Tổ chức của Hội đồng**

1. Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia gồm Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch, 01 Ủy viên thường trực và các Ủy viên. Nhiệm kỳ công tác của các thành viên Hội đồng là 5 năm (có danh sách nhiệm kỳ 2004 - 2009 kèm theo).

2. Việc bổ nhiệm, thay đổi thành viên Hội đồng do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

3. Hội đồng có Văn phòng giúp việc đặt tại Bộ Văn hóa - Thông tin do Ủy viên thường trực Hội đồng chỉ đạo trực tiếp. Biên chế của Văn phòng tối đa là 05 người nằm trong tổng biên chế của Bộ Văn hóa - Thông tin. Chức năng, nhiệm

vụ cụ thể của Văn phòng do Chủ tịch Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia quyết định.

4. Thành viên Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia hoạt động với danh nghĩa cá nhân nhà khoa học, nhà văn hóa, không đại diện cho cơ quan hoặc tổ chức nơi mình làm việc, được Văn phòng Hội đồng đảm bảo các điều kiện làm việc cần thiết theo chế độ quy định để thực hiện nhiệm vụ.

**Điều 4. Nhiệm vụ và quyền hạn của các thành viên Hội đồng**

#### **1. Chủ tịch Hội đồng:**

a) Chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ về hoạt động của Hội đồng;

b) Lãnh đạo Hội đồng hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 2 Quyết định này;

c) Chỉ đạo chuẩn bị nội dung các vấn đề đưa ra thảo luận và xin ý kiến Hội đồng;

d) Triệu tập và chủ trì các phiên họp của Hội đồng;

đ) Phân công nhiệm vụ cho các Ủy viên Hội đồng;

e) Xử lý các đề xuất, kiến nghị của các Ủy viên Hội đồng theo thẩm quyền;

g) Thành lập các tổ công tác về các lĩnh vực chuyên môn về di sản văn hóa.

## **2. Phó Chủ tịch Hội đồng:**

a) Giúp Chủ tịch Hội đồng trong việc lãnh đạo công tác chung của Hội đồng và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng về phân công tác được phân công phụ trách;

b) Thay mặt Chủ tịch Hội đồng điều hành và giải quyết công việc của Hội đồng thuộc quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng khi được Chủ tịch Hội đồng ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng vắng mặt.

## **3. Ủy viên thường trực Hội đồng:**

a) Quản lý và điều hành Văn phòng Hội đồng thực hiện các nhiệm vụ giúp việc Hội đồng; chỉ đạo Văn phòng chuẩn bị các tài liệu và điều kiện cần thiết cho kỳ họp của Hội đồng và thực hiện công tác văn thư, lưu trữ của Hội đồng;

b) Tham gia các công việc của Hội đồng với tư cách là một Ủy viên Hội đồng.

## **4. Các Ủy viên khác của Hội đồng:**

a) Tham gia đầy đủ các kỳ họp của Hội đồng. Trường hợp vắng mặt phải báo cáo Chủ tịch Hội đồng;

b) Đóng góp ý kiến về những vấn đề đưa ra thảo luận trong các kỳ họp Hội đồng hoặc đóng góp ý kiến bằng văn bản về những vấn đề Hội đồng quy định và phân công;

c) Giữ gìn tài liệu và số liệu mật theo

quy định chung của Nhà nước và của Hội đồng;

d) Được cung cấp những thông tin cần thiết liên quan tới nội dung các kỳ họp Hội đồng.

## **Điều 5. Phương thức hoạt động của Hội đồng**

1. Hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập thể, dân chủ và theo phương thức thảo luận, góp ý kiến và biểu quyết bằng cách bỏ phiếu kín hoặc biểu quyết công khai để quyết định những vấn đề đưa ra thảo luận và phải được ít nhất 2 phần 3 số thành viên Hội đồng có mặt tán thành; đồng thời các ý kiến khác cũng phải được ghi nhận đầy đủ trong biên bản của kỳ họp Hội đồng. Trong một số trường hợp cụ thể Chủ tịch Hội đồng có thể lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng bằng văn bản, sau đó báo cáo lại tại kỳ họp thường kỳ Hội đồng mà không cần triệu tập họp Hội đồng.

2. Hội đồng họp thường kỳ 6 tháng một lần. Khi cần thiết Chủ tịch Hội đồng triệu tập các kỳ họp bất thường.

3. Kỳ họp của Hội đồng phải có ít nhất 2 phần 3 tổng số thành viên của Hội đồng tham dự.

4. Tùy theo nội dung của kỳ họp, Chủ tịch Hội đồng có thể mời một số đại diện các cơ quan liên quan tham dự. Các đại biểu này không tham gia biểu quyết các vấn đề của Hội đồng.

5. Tài liệu của kỳ họp Hội đồng do Văn phòng Hội đồng chuyển đến các thành viên Hội đồng nghiên cứu trước khi họp chậm nhất là 10 ngày; đối với các kỳ họp bất thường, chậm nhất là 03 ngày trước khi họp.

6. Các văn bản của kỳ họp Hội đồng được gửi đầy đủ tới Thủ tướng Chính phủ.

**Điều 6. Quan hệ làm việc của Hội đồng**

Hội đồng phối hợp chặt chẽ với Bộ Văn hóa - Thông tin và các cơ quan khác của Nhà nước về những vấn đề có tầm quốc gia liên quan đến lĩnh vực bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa.

**Điều 7. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày ký.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các thành viên Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

*Phó Thủ tướng*

**Phạm Gia Khiêm**

**DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN  
HỘI ĐỒNG DI SẢN VĂN  
HÓA QUỐC GIA**

*(ban hành kèm theo Quyết định số  
1243/QĐ-TTg ngày 22/11/2004  
của Thủ tướng Chính phủ).*

1. GS - TSKH Lưu Trần Tiêu (Bộ Văn hóa - Thông tin), Chủ tịch Hội đồng.

2. GS Phan Huy Lê (Hội Khoa học lịch sử Việt Nam), Phó Chủ tịch Hội đồng.

3. TS Đặng Văn Bài (Cục Di sản Văn hóa), Ủy viên thường trực.

4. PGS - TS Đỗ Bang (Hội Khoa học lịch sử Thừa Thiên - Huế), Ủy viên.

5. PGS - TS Nguyễn Chí Bền (Viện Văn hóa - Thông tin), Ủy viên.

6. PGS - TS Phan Xuân Biên (Ban Tư tưởng - Văn hóa thành phố Hồ Chí Minh), Ủy viên.

7. PGS - TS Trương Quốc Bình (Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam), Ủy viên.

8. GS - TSKH Vũ Quang Côn (Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật), Ủy viên.

9. PGS - TS Trần Đức Cường (Viện Khoa học xã hội Việt Nam), Ủy viên.

10. Tiến sĩ Ngô Văn Doanh (Viện Đông Nam Á), Ủy viên.

11. GS - TSKH Vũ Minh Giang (Đại học Quốc gia Hà Nội), Ủy viên.

12. GS - TSKH Nguyễn Quang Hồng (Viện Nghiên cứu Hán Nôm), Ủy viên.

www.TiengVietPhapLuat.com  
Tel: +84-8-3845 6684

**CÁC BỘ****BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH  
VÀ XÃ HỘI****THÔNG TƯ số 17/2004/TT-BLĐTBXH**

**ngày 17/11/2004 bổ sung, sửa đổi một số điểm của Thông tư số 02/2003/TT-BLĐTBXH ngày 07/02/2003 hướng dẫn thực hiện chế độ trợ cấp đối với bệnh binh hoặc công nhân viên chức nghỉ việc hưởng chế độ mất sức lao động đồng thời là thương binh hoặc người hưởng chính sách như thương binh.**

Thi hành Nghị định số 102/2002/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2002 của Chính phủ về việc quy định chế độ trợ cấp đối với bệnh binh hoặc công nhân viên chức nghỉ việc hưởng chế độ mất sức lao động đồng thời là thương binh hoặc người hưởng chính sách như thương binh, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn bổ sung, sửa đổi một số điểm cụ thể của Thông tư số 02/2003/TT-BLĐTBXH ngày 07/02/2003 (dưới đây gọi là Thông tư số 02/2003) như sau:

**1. Sửa đổi điểm 4 Mục I của Thông tư số 02/2003:**

**4. Bệnh binh, công nhân viên chức mất sức lao động đồng thời là thương binh quy định tại điểm 1 và 2 Mục I của Thông**

13. PGS - TS Trịnh Vương Hồng (Viện Lịch sử quân sự Việt Nam), Ủy viên.

14. PGS - TS Phạm Mai Hùng (Bảo tàng Cách mạng Việt Nam), Ủy viên.

15. PGS - TS Nguyễn Văn Huy (Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam), Ủy viên.

16. GS - TS Đỗ Quang Hưng (Viện Nghiên cứu tôn giáo), Ủy viên.

17. GS - TS - KTS Hoàng Đạo Kính (Hội Kiến trúc sư Việt Nam), Ủy viên.

18. PGS - TS Hoàng Lương (Đại học Quốc gia Hà Nội), Ủy viên.

19. TS Thành Phần (Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh), Ủy viên.

20. TS Phạm Quốc Quân (Bảo tàng Lịch sử Việt Nam), Ủy viên.

21. NNC Dương Trung Quốc (Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam), Ủy viên.

22. GS - TSKH Tô Ngọc Thanh (Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam), Ủy viên.

23. NT Hữu Thịnh (Hội Nhà văn Việt Nam), Ủy viên.

24. GS - TS Ngô Đức Thịnh (Viện Nghiên cứu văn hóa), Ủy viên.

25. PGS - TS Tống Trung Tín (Viện Khảo cổ học), Ủy viên.

26. PGS - TS Đỗ Văn Trụ (Bộ Văn hóa - Thông tin), Ủy viên.

27. GS Trần Quốc Vượng (Đại học Quốc gia Hà Nội), Ủy viên.